TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HSST
Ngày 14 - 5 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liệu; Bà Nguyễn Thị Tần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, Tòa án nhân dân huyện Q đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXX-HS ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **NGUYỄN THẾ P** (Tên gọi khác: Quẹo) – sinh năm 1989 tại Đ; nơi cư trú: ấp 1, xã P, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: rửa xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân H – sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1970; có vợ: Nguyễn Thị Phương Th – sinh năm 1994 (đã ly hôn) và 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 20/01/2018, tại ngoại ngày 24/01/2018 đến nay "có mặt".

2/ Họ và tên: **NGUYỄN QUỐC H** – sinh năm 1986 tại Đ; nơi cư trú: 35/8 ấp 1, xã P, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 5/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Nguyễn Văn Hù – sinh năm 1956 và bà Lã Thị M – sinh năm 1958; có vợ: Cao Thị Mộng T – sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 20/01/2018, tại ngoại ngày 24/01/2018 đến nay "có mặt".

3/ Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC N** (Tên gọi khác: Đen) – sinh năm 1987 tại Đ ; nơi cư trú: 53/2, ấp 2, xã P, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: làm Tê; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; con ông Nguyễn Ngọc T (đã chết) và bà Lê Thị C – sinh năm 1955; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 20/01/2018, tại ngoại ngày 24/01/2018 đến nay "có mặt".

4/ Họ và tên: **TRẦN TRUNG D** (Tên gọi khác: Bi) – sinh năm 1989 tại T; nơi cư trú: khu 5, ấp 1, xã P, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn Đính – sinh năm 1966 và bà Trương Thị H – sinh năm 1968; có vợ: Trương Thị H – sinh năm 1994 và 02 con (lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại Bản án phúc thẩm số 268/2008/HSPT ngày 22/9/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã xử phạt Trần Trung D 02 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", chấp hành xong hình phạt ngày 07/4/2010; bị bắt giam ngày 20/01/2018, tại ngoại ngày 24/01/2018 đến nay "có mặt".

5/ Họ và tên: **TRỊNH ĐÌNH D** – sinh năm 1989 tại Đ; nơi cư trú: 14/3 ấp 2, xã P, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật; con ông Trịnh Đình D – sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1962; chưa vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 20/01/2018, tại ngoại ngày 24/01/2018 đến nay "có mặt".

6/ Họ và tên: **VÕ QUỐC T** – sinh năm 1985 tại Đ; nơi cư trú: ấp 1, xã P, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: 4/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Võ Văn N – sinh năm 1963 và bà Trần Thị L – sinh năm 1969; chưa vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 20/01/2018, tại ngoại ngày 24/01/2018 đến nay "có mặt".

7/ Họ và tên: **CAO THỊ MỘNG T** – sinh năm 1993 tại Đ; nơi cư trú: khu 6, ấp 1, xã P, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; con ông (không rõ tên họ) và bà Cao Thị L – sinh năm 1974; có chồng tên Nguyễn Quốc H – sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang mang thai nên được tại ngoại từ đầu "có mặt".

8/ Họ và tên: **TRẦN THỊ NGỌC T** – sinh năm 1990 tại Đ; trú tại: Khu 6, ấp 1, xã P, huyện Q, tỉnh Đ; nghề nghiệp: thợ may; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Trần Đình H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1970; có chồng tên Nguyễn Quốc T – sinh năm 1990 và 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 20/01/2018, tại ngoại ngày 24/01/2018 đến nay "có mặt".

8/ Họ và tên: **PHẠM VĂN G** – sinh năm 1987 tại Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 13, xã Giao Yến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: làm Tê; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn Tài – sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Sỹ – sinh năm 1966; có vợ Trần Thị T T – sinh năm 1997, chưa con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt giam ngày 20/01/2018, tại ngoại ngày 24/01/2018 đến nay "có mặt".

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Quốc H và Cao Thị Mộng T là vợ chồng và đang ở nhờ nhà ông Lã Quang T tại số nhà 35/8 ấp 1, xã P, huyện Q, tỉnh Đ (ông T là cậu ruột của H). Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 20/01/2018, khi H và T đang ở nhà thì Trịnh Đình D,

Nguyễn Thế P và Trần Trung D - là những bạn bè cùng xóm, đến chơi. Trong khi ngồi nói chuyện thì P rủ H, T, D và D đánh bài "Xì zách" thắng Ta bằng tiền thì tất cả đồng ý. P đi mua bộ bài Tây 52 lá, còn H lấy 01 cái mền vải và 01 cái đĩa nhựa dùng để đánh bạc rồi tất cả cùng đi ra phía nhà bếp để bắt đầu đánh bạc.

Cách thức đánh bạc như sau: Trước khi chia bài, người chơi bỏ tiền cược thành các tụ, mỗi tụ đặt tiền cược thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 50.000 đồng; người làm cái không đặt tiền mà mặc nhiên được xem là một tụ. Sau đó, người làm cái chia bài cho mình và các con bạc khác mỗi tụ 02 lá bài. Mỗi người chơi được làm cái 03 lần (03 ván bài) rồi xoay tua để người kế bên làm cái, nếu người nào không muốn làm cái thì qua tua.

Sau khi chia bài, xem điểm, người chơi và người làm cái có quyền rút thêm tối đa 03 lá bài nữa để so sánh điểm với nhau và xác định kết quả thắng Ta. Nếu bài của người làm cái có điểm lớn hơn thì sẽ thắng và lấy tiền cược của các con bạc; ngược lại, nếu bài của người làm cái nhỏ hơn thì người làm cái sẽ Ta và chung bằng số tiền cho các con bạc đã đặt cược ở các tụ; nếu bài của người làm cái bằng điểm với số điểm với bài các "Tụ" hoặc cùng "Quắc" với nhau thì hòa.

Cách tính điểm như sau: Các lá bài từ 2 đến 10 thì số điểm tương ứng với con số đó; Các lá bài tây J, Q, K được tính là 10 điểm; Lá Át (xì): nếu tụ bài có hai hoặc ba lá thì được tính 10 hoặc 11 điểm, nếu có từ bốn lá trở lên thì được tính là 01 điểm.

Thứ tự từ lớn đến nhỏ như sau:

- Tụ bài được chia có 02 lá Át gọi là "Xì bàng";

- Bài được chia có 01 lá Át kèm với 01 lá 10 hoặc 01 lá bài tây (J, Q, K) gọi là "Xì zách",

- Ngũ linh gồm 02 lá được chia và 03 lá rút có tổng điểm từ 21 trở xuống.

- Tiếp theo đến thứ tự từ 21 điểm đến 16 điểm (nếu bài nhỏ hơn 16 điểm thì phải rút thêm, riêng bài của người làm cái được tính từ 15 điểm.

- Bài có tổng điểm lớn hơn 21 điểm gọi là "Quắc" (không được tính điểm).

Khi đánh bạc, P là người làm cái đầu tiên và lần lượt chuyển cho những người còn lại. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Ngọc N, Phạm Văn G, Võ Quốc T, Trần Thị Ngọc T đến tham gia đánh bạc. Lúc này tại chiếu bạc còn có Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn Duy và Trần Thị T T ngồi xem đánh bạc.

Đến 22 giờ cùng ngày, Công an huyện Q kết hợp với Công an xã P đã bắt quả tang: Nguyễn Thế P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trần Trung D, Trịnh Đình D, Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Phạm Văn G và Trần Thị Ngọc T đang có hành vi đánh bạc trái phép thắng Ta bằng tiền, dưới hình thức đánh bài "Xì Zách".

Quá trình bắt quả tang, Cơ quan Công an đã T giữ:

- T trên chiếu bạc số tiền 3.400.000 đồng, 01 bộ bài tây đã qua sử dụng, 01 đĩa nhựa, 01 mền vải;

- T trên người các đối tượng nêu trên số tiền 15.170.000 đồng, 08 điện thoại di động các loại. Trong đó:

+ T của Nguyễn Thế P: số tiền 3.100.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Vivo, màu vàng.

+ T của Trịnh Đình D: số tiền 3.090.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu

Iphone 6 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia.

+ T của Trần Trung D: số tiền 2.300.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo.

+ T của Cao Thị Mộng T: số tiền 1.000.000 đồng

+ T của Võ Quốc T: số tiền 1.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu vàng đồng.

+ T của Phạm Văn G: số tiền 300.000 đồng

+ T của Nguyễn Quốc H: số tiền 80.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia.

+ T của Nguyễn Văn Duy: số tiền 4.300.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu vàng.

+ T của Nguyễn Ngọc N: 01 điện thoại di động hiệu Samsung.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận số tiền mang theo để đánh bạc: P mang theo số tiền 4.180.000 đồng, H mang theo 100.000 đồng, D mang theo 2.400.000 đồng, T mang theo 1.000.000 đồng, D mang theo 2.400.000 đồng, N mang theo 2.510.000 đồng, T mang theo 1.130.000 đồng, T mang theo 500.000 đồng, G mang theo 50.000 đồng. Cho đến khi bị bắt: D thắng được số tiền 690.000 đồng, G thắng được số tiền 250.000 đồng, P Ta số tiền 750.000 đồng, D Ta số tiền 100.000 đồng, T Ta số tiền 70.000 đồng, N Ta số tiền 10.000 đồng, H Ta số tiền 10.000 đồng, T Ta số tiền 40.000 đồng nH do không có tiền lẻ nên T chưa chung cho người làm cái, T huề tiền. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 14.270.000đ.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS-HS ngày 24/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thế P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trần Trung D, Trịnh Đình D, Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Trần Thị Ngọc T, Phạm Văn G về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

1/ Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố và có quan điểm:

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo P, H, D, T, G, N, T, T đều có tình tiết giảm nhẹ "Phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng", "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T "là phụ nữ có thai", đang nuôi con nhỏ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo G có cha là thương binh; Bị cáo N là bộ đội xuất ngũ; Bị cáo T đang nuôi con nhỏ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo D được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt: Kiểm sát viên đề nghị xử phạt tiền các bị cáo như sau:

Xử phạt các bị cáo P, D mỗi bị cáo từ 25.000.000đ đến 30.000.000đ.

Xử phạt các bị cáo H, D, N mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 23.000.000đ.

Xử phạt các bị cáo T, G, T, T mỗi bị cáo từ 18.000.000đ đến 20.000.000đ.

- Kiểm sát viên còn phát biểu quan điểm về xử lý vật chứng và án phí.

2/ Các bị cáo Nguyễn Thế P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trần Trung D, Trịnh Đình D, Võ Quốc T, Cao Thị Mộng$_4$T, Trần Thị Ngọc T và Phạm Văn G

thành khẩn nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thế P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trần Trung D, Trịnh Đình D, Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Trần Thị Ngọc T và Phạm Văn G không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ để kết tội đối với các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thế P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trần Trung D, Trịnh Đình D, Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Trần Thị Ngọc T và Phạm Văn G đã khai nhận tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp nhau; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố các bị cáo nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào 22 giờ ngày 20/01/2018, tại căn nhà số 35/8 ấp 1, xã P, huyện Q, tỉnh Đ, Công an huyện Q kết hợp với Công an xã P đã bắt quả tang Nguyễn Thế P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trần Trung D, Trịnh Đình D, Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Trần Thị Ngọc T và Phạm Văn G đang có hành vi đánh bạc trái phép thắng Ta bằng tiền, dưới hình thức đánh bài "Xì Zách" với số tiền dùng để đánh bạc là 14.270.000 đồng. Do đó, hành vi của các bị cáo P, H, N, D, D, T, T, T, G đã phạm tội "Đánh bạc"; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Xét thấy: Đánh bạc là tệ nạn xã hội, là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác nên pháp luật nghiêm cấm. Các bị cáo P, H, N, D, D, T, T, T, G biết rõ điều này nH vì muốn tư lợi và nhằm thức tước đoạt tài sản của nhau nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng về an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[3] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên các bị cáo đều là người thực hành; tuy nhiên, tính chất, mức độ hành vi của từng bị cáo có sự phân hóa như sau.

Bị cáo Nguyễn Thế P là người có vai trò nổi trội nhất thể hiện qua hành vi khởi xướng việc đánh bạc, dùng số tiền 4.180.000đ (lớn nhất so với các bị cáo khác) để đánh bạc, chuẩn bị công cụ dùng vào việc đánh bạc (bộ bài tây), đồng thời bị cáo cũng là người trực tiếp ăn Ta sát phạt với các con bạc khác.

Bị cáo Trần Trung D là người có nhân thân xấu vì đã từng bị xử phạt tù về hành vi cố ý gấy thương tích. Lẽ ra, sau khi chấp hành xong hình phạt tù, các bị cáo phải nỗ lực tu dưỡng bản thân, sống có ích cho gia đình và xã hội nH ngược lại, bị cáo vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật hình sự bằng hành vi dùng số tiền 2.400.000đ vào việc đánh bạc.

Hành vi của bị cáo P và D là nguy hiểm ngang nhau và hơn các bị cáo còn lại nên phải xử lý nghiêm hơn so với các bị cáo còn lại.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc N, Trịnh Đình D là người trực tiếp thực hiện hành vi sát phạt thắng Ta với các bị cáo khác và dùng số tiền vào việc đánh bạc lớn hơn so với các bị cáo còn lại nên phải chịu hình phạt tương xứng. Bị cáo Nguyễn Quốc H mặt dù chỉ dùng 100.000đ vào việc đánh bạc nH lại là người chuẩn bị công cụ (mền, dĩa nhựa) dùng vào việc đánh bạc, dùng nơi ở của mình để chứa chấp việc phạm tội; đồng thời bị cáo cũng là người trực tiếp ăn Ta sát phạt với các con bạc khác nên phải chịu hình phạt bằng với các bị cáo N, D.

Các bị cáo Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Trần Thị Ngọc T và Phạm Văn G đã thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm tương xứng.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy rằng:

- Các bị cáo Nguyễn Thế P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trịnh Đình D, Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Trần Thị Ngọc T và Phạm Văn G phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Cao Thị Mộng T là phụ nữ có thai nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo là lao động chính; bị cáo T, T là nữ đang nuôi con nhỏ; bị cáo G có cha là thương binh; bị cáo N là bộ đội xuất ngũ nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: các bị cáo P, H, N, D, D, T, T, T, G có nơi cư trú rõ ràng, là lao động chính; không có tình tiết tăng nặng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; đồng thời để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo như đề xuất của Kiểm sát viên là phù hợp.

[5] Về biện pháp tư pháp và các vấn đề khác:

- Tiền mặt 14.270.000 đồng: là tiền sử dụng vào việc phạm tội nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tịch T sung quỹ nhà nước.

- 01 bộ bài tây đã qua sử dụng, 01 đĩa nhựa, 01 mền vải: là công cụ phạm tội không còn sử dụng được nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tịch T tiêu hủy.

- Đối với 08 điện thoại di động đã T giữ trong quá trình bắt quả tang nH các bị cáo không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên Cơ quan điều tra trả lại cho các chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với số tiền 4.300.000 đồng của anh Nguyễn Văn Duy. Quá trình điều tra không chứng minh anh Duy sử dụng vào mục đích đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trao trả cho anh Duy nên không đặt ra xử lý.

- Nguyễn Văn Duy, Nguyễn Quốc T và Trần Thị T T chỉ xem mà không tham gia đánh bạc. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Duy, T và T về hành vi "Che giấu việc đánh bạc trái phép" là

đủ nghiêm.

- Ông Lã Quang T cho bị cáo H ở nhờ trong căn nhà số 35/8 ấp 1, xã P nH không biết H dùng nơi ở chứa việc đánh bạc nên không xử lý trách nhiệm của ông T.

Các bị cáo P, H, N, D, D, T, T, T, G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Thế P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trịnh Đình D, Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Trần Thị Ngọc T và Phạm Văn G được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Thị Ngọc T được áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trần Trung D, Trịnh Đình D, Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Trần Thị Ngọc T và Phạm Văn G phạm tội: "Đánh bạc".

- Xử phạt mỗi bị cáo Nguyễn Thế P, Trần Trung D số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

- Xử phạt mỗi bị cáo Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trịnh Đình D số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Xử phạt mỗi bị cáo Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Trần Thị Ngọc T, Phạm Văn G số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong các khoản tiền phạt, hàng tháng các bị cáo Nguyễn Thế P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trịnh Đình D, Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Trần Thị Ngọc T và Phạm Văn G còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Tịch T sung quỹ nhà nước số tiền 14.270.000 đồng

(Theo biên lai T tiền số 0002870 ngày 27/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q)

Tịch T tiêu hủy 01 bộ bài tây đã qua sử dụng, 01 đĩa nhựa, 01 mền vải

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/4/2018 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Q với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q).

Mỗi bị cáo Nguyễn Thế P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trịnh Đình D, Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Trần Thị Ngọc T và Phạm Văn G phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thế P, Nguyễn Quốc H, Nguyễn Ngọc N, Trịnh Đình D, Võ Quốc T, Cao Thị Mộng T, Trần Thị Ngọc T và Phạm Văn G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
TAND tỉnh Đ.
VKSND huyện Q.
Công an huyện Q.
Chi cục THA huyện Q.
Các bị cáo.
Lưu hồ sơ, VP.

Lê Xuân Hòa